

Số: 05 /NQ-HĐKĐCLGD

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng) thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng đã họp ngày 22/4/2018 để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Hội đồng đã nghiên cứu Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục. Hội đồng đã nghe đại diện lãnh đạo Nhà trường báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá, đại diện Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài báo cáo tóm tắt quy trình và tổng hợp kết quả đánh giá ngoài. Trên cơ sở đó, Hội đồng đã thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Y Dược Cần Thơ với số phiếu tán thành là 11/11/11.

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu của phiên họp, Hội đồng

QUYẾT NGHỊ:

1. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã thực hiện đánh giá chất lượng đúng các quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch; Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cho thấy, số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 52 tiêu chí (trong tổng số 61 tiêu chí), chiếm 85,25%, trong đó tất cả các tiêu chuẩn đều có ít nhất 01 tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (Phụ lục 1).

2. Kết quả đánh giá cho thấy, Nhà trường có những điểm mạnh (Phụ lục 2) tuy nhiên cũng còn những điểm cần phải khắc phục, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Căn cứ Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị với Nhà trường các giải pháp cải tiến chất lượng (Phụ lục 3).

3. Căn cứ theo Điều 27, Thông tư số 62/2012/BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng kiến nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Y Dược Cần Thơ theo các quy định hiện hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KĐCLGD – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PGS.TS. Đoàn Quang Vinh**

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ (TĐG) VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI (ĐGN)
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng
Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐHN)

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	TĐG	ĐGN
Tiêu chuẩn 1:		
Tiêu chí 1.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 1.2	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 2:		
Tiêu chí 2.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.6	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 2.7	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 3:		
Tiêu chí 3.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.4	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 3.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.6	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chuẩn 4:		
Tiêu chí 4.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.4	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 4.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.7	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 5:		
Tiêu chí 5.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.6	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 5.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.8	Đạt	Đạt

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	TĐG	ĐGN
Tiêu chuẩn 6:		
Tiêu chí 6.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.9	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 7:		
Tiêu chí 7.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.2	Chưa đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 7.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.5	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 7.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.7	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 8:		
Tiêu chí 8.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.3	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 9:		
Tiêu chí 9.1	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 9.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.5	Chưa đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 9.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.9	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 10:		
Tiêu chí 10.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 10.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 10.3	Đạt	Đạt

**TỔNG HỢP CHUNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí trong từng tiêu chuẩn	Kết quả đánh giá			
		Đạt		Chưa đạt	
		Số tiêu chí	Tỉ lệ (%)	Số tiêu chí	Tỉ lệ (%)
Tiêu chuẩn 1	2	2	100%	0	0%
Tiêu chuẩn 2	7	6	85,71%	1	14,29%
Tiêu chuẩn 3	6	4	66,67%	2	33,33%
Tiêu chuẩn 4	7	6	85,71%	1	14,29%
Tiêu chuẩn 5	8	7	87,50%	1	12,50%
Tiêu chuẩn 6	9	9	100%	0	0%
Tiêu chuẩn 7	7	5	71,43%	2	28,57%
Tiêu chuẩn 8	3	3	100%	0	0,00%
Tiêu chuẩn 9	9	7	77,78%	2	22,22%
Tiêu chuẩn 10	3	3	100%	0	0%
Tổng	61	52	85,25%	9	14,75%

Tổng hợp

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/tổng số	52/61	09/61	0
Tỷ lệ %	85,25%	14,75%	0

PHỤ LỤC 2

CÁC ĐIỂM MẠNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐN)

1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Năm 2007, lần đầu tiên Trường ĐHYD Cần Thơ công bố sứ mạng. Năm 2011, Trường tổ chức rà soát và cập nhật sứ mạng để phù hợp với Đề án quy hoạch tổng thể phát triển Trường đến năm 2020, định hướng 2030. Năm 2016, Trường tiếp tục rà soát và điều chỉnh sứ mạng nhằm đáp ứng với chủ trương phân tầng, xếp hạng và tự chủ đại học của Chính phủ và Bộ GD&ĐT. Nội dung sứ mạng của Trường được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường. Sứ mạng của Trường thể hiện sự gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của thành phố Cần Thơ, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Mục tiêu của Trường phù hợp với mục tiêu đào tạo của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và sứ mạng của Nhà trường. Trên cơ sở mục tiêu chung, Nhà trường đã xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực trong Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030. Trong các lần xây dựng, rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan trong Trường. Nội dung sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu được phổ biến rộng rãi với nhiều hình thức để mọi thành viên của đơn vị biết và thực hiện.

2. Tổ chức và quản lý

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được cụ thể trong Quy chế về tổ chức và hoạt động; Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị phòng chức năng, trung tâm, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc được quy định rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động và Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Trung tâm, đơn vị trực thuộc Trường, Khoa và bộ môn. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCS HCM và Hội SV, Hội Cựu chiến binh của Nhà trường được thành lập theo đúng quy định của Đảng, của các tổ chức đoàn thể và pháp luật của Nhà nước, hoạt động tích cực và góp phần hiệu quả vào quá trình phát triển Trường. Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản tổ chức và quản lý các hoạt động của các đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo từng lĩnh vực công tác. Đồng thời, phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên. Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách về công tác ĐBCL và quy định cụ thể, rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của Phòng ĐBCL hiện nay. Đội ngũ cán bộ của Phòng ĐBCL cơ bản có đủ năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao

chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Nhà trường thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động, ban hành và lưu trữ đầy đủ các văn bản thông qua phần mềm quản lý văn bản “Văn phòng điện tử”.

3. Chương trình đào tạo

Tính đến 8/2017, Nhà trường đã tổ chức đào tạo 08 Chương trình đào tạo đại học chính quy, 02 CTĐT đại học hệ liên thông vừa làm vừa học, 08 CTĐT trình độ thạc sĩ và 02 CTĐT tiến sĩ. Các ngành đào tạo đều có quyết định ban hành cho phép đào tạo và đều nằm trong danh mục mã ngành cấp IV của Bộ GD&ĐT. Từ 2012, Nhà trường xây dựng và mở mới 01 CTĐT đại học, 08 CTĐT sau đại học. Các CTĐT đều được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và các cơ quan liên quan. Khi xây dựng CTĐT Nhà trường có tham khảo CTĐT của trường ĐH có uy tín trong nước/quốc tế, thông qua các bản đối sánh. Nhà trường cũng đã tham khảo ý kiến của các bên liên quan (nhà chuyên môn, giảng viên, CBQL, người sử dụng lao động, cựu sinh viên đã tốt nghiệp cùng ngành): Thông qua nghiên cứu nhu cầu đào tạo của các Sở Y tế, thông qua các hội nghị về đào tạo nhân lực y tế, thông qua các phiếu khảo sát, thông qua các cuộc họp của Khoa/Trường khi xây dựng CTĐT. Các CTĐT của Nhà trường đều có đầy đủ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể (bao gồm kiến thức, thái độ, kỹ năng...) theo quy định. Mục tiêu CTĐT tương đối rõ ràng, thực tế và khả thi. CTĐT cũng nêu rõ khối kiến thức toàn khóa, khung thời gian, cũng như kế hoạch giảng dạy từng học kỳ. Chuẩn đầu ra của các CTĐT (bao gồm kiến thức, thái độ, kỹ năng) cũng được ban hành và được công bố trên trang web của Nhà trường. CDR của CTĐT tương đối cụ thể, đo lường được và khả thi. Cấu trúc CTĐT hợp lý và đảm bảo được tính hệ thống; Khối kiến thức tự chọn, học phần định hướng chuyên ngành giúp đáp ứng linh hoạt nhu cầu thị trường. Đa số ý kiến người sử dụng lao động, Hội Nghề nghiệp, nhà chuyên môn đồng ý cho rằng (tỷ lệ 95% đồng ý) CTĐT có cấu trúc hợp lý, phân bổ các khối lượng các khối kiến thức là phù hợp, đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức và kỹ năng của trình độ đào tạo. Kết quả khảo sát các nhà sử dụng lao động (ngành ĐH Bác sĩ Y học cổ truyền) cũng cho thấy nhu cầu mở mới mã ngành này là rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu nhân lực y tế về ngành. Ngoài hình thức đào tạo chính quy, Nhà trường có các loại hình đào tạo: liên thông chính quy, liên thông VLVH, bồi dưỡng ngắn hạn. Về trình độ đào tạo, Nhà trường có các bậc học đại học, sau đại học (cao học, chuyên khoa I+II). Chương trình giáo dục thường xuyên (vừa làm vừa học) được xây dựng trên cơ sở chương trình chính quy và kiến thức tích lũy của người học. Các CTĐT của Nhà trường được thiết kế theo hướng liên

thông dọc cho các ngành đúng, ngành gần và đảm bảo có sự kết nối kiến thức giữa các trình độ đào tạo: liên thông từ trình độ trung cấp lên đại học, liên thông từ trình độ đại học lên SDH, liên thông giữa các ngành đào tạo đại học, liên thông giữa các ngành đào tạo SDH. Người học có thể chuyển đổi từ chuyên khoa cấp I sang thạc sĩ hay ngược lại cùng chuyên ngành. Các CTĐT liên thông trình độ đại học hay SDH có sự kế thừa một phần các khối kiến thức, kỹ năng từ bậc đào tạo trung cấp hay đại học. Trong các trang thông tin tuyển sinh của Nhà trường đã ghi rõ các điều kiện liên thông dọc cho ngành đúng, ngành gần; ghi rõ các điều kiện liên thông ngang với CTĐT khác cùng trình độ. Nhà trường cũng đã đảm bảo đầy đủ các điều kiện tổ chức CTĐT chính quy và thường xuyên. Các CTĐT đều kèm theo các điều kiện đảm bảo chất lượng và được công khai trên trang web của Trường (về đội ngũ GV, trang thiết bị, phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, bệnh viện thực hành lâm sàng, thư viện...). Nhà trường cũng ban hành nhiều quy định về đào tạo: Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ; Quy chế đào tạo liên tục... Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã thành lập Ban Thanh tra giáo dục nhằm thanh tra/kiểm tra các hoạt động giảng dạy và đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo của các hệ đào tạo. Năm 2013, Nhà trường thực hiện rà soát CTĐT và chuyển đổi sang hệ đào tạo theo học chế tín chỉ. Năm 2016, Nhà trường tiếp tục triển khai rà soát CTĐT. Ngoài ra, hằng năm Nhà trường có tiến hành rà soát CTĐT đào tạo, điều chỉnh một số học phần. Khi rà soát/hiệu chỉnh CTĐT, Nhà trường đã tiến hành thu thập ý kiến đóng góp của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, Hội Nghề nghiệp, các Sở Y tế, Bệnh viện Tỉnh, Sở Giáo dục) về CTĐT, CDR, sự đáp ứng của CTĐT với kỹ năng, kiến thức sinh viên đạt được. Nhà trường cũng đã tham khảo ý kiến của các nhà chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, người học đã tốt nghiệp thông qua các phiếu khảo sát, thông qua các cuộc họp của Khoa và Trường khi hiệu chỉnh CTĐT. Các CTĐT của Nhà trường khi xây dựng và hiệu chỉnh có tham khảo CTĐT của trường ĐH có uy tín trong nước và/hoặc các nước tiên tiến thông qua các bản đối sánh (Trường ĐH Y Hà Nội, Y Dược Huế, Y Dược HCM..., Trường ĐH Middlesex University London, ĐH Y dược Cổ truyền Trung Quốc, ĐH Mahidol Thái Lan, ĐH Queensland...). Tháng 10/2016, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá 03 CTĐT: Y đa khoa, Răng Hàm Mặt, Điều dưỡng, đã thành lập Hội đồng tự đánh giá và tiến hành xây dựng văn bản tự đánh giá cho các CTĐT nói trên.

4. Hoạt động đào tạo

Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa hình thức đào tạo nhằm đáp ứng cơ bản nhu cầu của người học và cung cấp nguồn nhân lực y tế cho các địa phương

Đồng bằng sông Cửu Long. Từ năm học 2013-2014, Nhà trường đã chuyển toàn bộ CTĐT từ niên chế sang học chế tín chỉ nhằm thể hiện tính linh hoạt của các CTĐT và tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Giảng viên các khoa và bộ môn đã tăng cường đổi mới phương pháp dạy và học cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển tự học, tự nghiên cứu. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để lưu trữ và thông báo kết quả học tập của người học kịp thời, chính xác, an toàn; công tác cấp phát văn bằng, chứng chỉ thực hiện đúng quy định.

5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Nhà trường đã ban hành các Quy định cụ thể về tuyển dụng, đào tạo và quản lý CBVC và người lao động. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng trên cơ sở phân tích sự cân đối giữa nhu cầu đào tạo và phát triển giảng viên, đồng thời bám sát sự phát triển theo Đề án vị trí việc làm và kế hoạch phát triển của Nhà trường. Công tác tuyển dụng theo hình thức thi tuyển, đảm bảo đầy đủ các bước thực hiện, công khai, minh bạch, không có hiện tượng tiêu cực, khiếu nại, tố cáo. Trong công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, Nhà trường thực hiện theo quy định của Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT; Nhà trường tiến hành công tác quy hoạch đảm bảo đúng các yêu cầu dân chủ, công khai, dựa vào chức năng, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của từng chức danh lãnh đạo, quản lý. Nhà trường đã ban hành các quy định về việc thực hiện Quy chế dân chủ và quy tắc ứng xử của CBVC, như: Quy định phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; Quy định về văn hóa công sở; Nội quy Nhà trường; Quy định quản lý và sử dụng điện thoại đường dây nóng, Một số quy định khác; có phòng tiếp dân để viên chức, người lao động có cơ hội để tiếp xúc với lãnh đạo Trường, đã công bố số điện thoại đường dây nóng và các hình thức đóng góp ý kiến giao tiếp như email. Công tác tài chính kế toán, các chương trình đào tạo đều được công khai, minh bạch, bảo đảm quyền dân chủ trong Nhà trường. Trong 5 năm qua (2012-2017), không có đơn thư tố cáo, khiếu nại. Tính đến tháng 8/2017, tổng số giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn của Trường là 446 cán bộ, trong đó có 53 tiến sĩ (2 Giáo sư, 15 Phó Giáo sư); 226 thạc sĩ; Chuyên khoa I và II: 27; GV thỉnh giảng: 174. Đội ngũ GV đảm bảo trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định, có trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu. Cơ cấu chuyên môn của các giảng viên phù hợp với các CTĐT của Nhà trường, trong đó đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao chiếm tỷ lệ khá, giảng viên được giảng dạy theo đúng chuyên môn đào tạo. Cơ cấu giảng viên cơ hữu của Nhà trường tương đối cân đối theo thâm niên công tác. Hiện nay tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên của trường là 13,1SV/GV. Ngoài ra, Nhà trường đã bổ nhiệm 18

bác sĩ chuyên khoa cấp II của các bệnh viện kiêm nhiệm giữ chức vụ quản lý ở bộ môn, khoa và mời 174 bác sĩ có trình độ từ Thạc sĩ trở lên kiêm nhiệm giảng dạy tại bệnh viện thực hành... Đội ngũ GV của Trường được trẻ hóa về đội ngũ, cơ cấu và có trình độ cao. Tổng số cán bộ kỹ thuật viên, nhân viên làm việc tại Trường và Bệnh viện Trường là 211 người; trong đó: Thạc sĩ: 01; Đại học: 45; Cao đẳng: 10; Trung cấp: 115; Trình độ khác: 40. Số lượng KTV, NV đều đạt yêu cầu về trình độ chuyên môn, phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, đáp ứng nhu cầu phục vụ giảng dạy, công tác chăm sóc sức khỏe tại Bệnh viện Trường. Hầu hết đội ngũ CBQL của Trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định như: tuổi, thâm niên công tác, học vị, chức danh, trình độ ngoại ngữ, tin học. Việc đánh giá CB lãnh đạo, quản lý được thể hiện thông qua đánh giá phân loại đảng viên cuối năm và xếp loại CBVC hằng năm. Để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, Nhà trường đã có nhiều chính sách, biện pháp và tạo điều kiện để CBQL, GV, KTV, NV tham gia nhiều đợt tập huấn ngắn hạn, dài hạn về chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện cho CBVC được dự tuyển các dự án, học bổng trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Nhà trường có những quy định, chính sách, nguồn kinh tế cụ thể nhằm hỗ trợ cho việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ GV, khuyến khích GV tham gia NCKH, biên soạn giáo trình, tham gia hội thảo, chương trình bồi dưỡng, tập huấn, hỗ trợ cho CBVC đăng ký các bài báo quốc tế, chi thưởng cho cán bộ hoàn thành đúng thời hạn và hoàn thành sớm chương trình SDH, phụ cấp độc hại, thâm niên nhà giáo. Nhà trường cũng có các chính sách cho đội ngũ KTV, NV: phụ cấp hưởng lương khi đi học, phụ cấp độc hại, khen thưởng, phụ cấp kiêm nhiệm, thu nhập tăng thêm, tiền công khuyến khích lao động, nâng lương trước thời hạn, nghỉ phép...

6. Người học

Nhà trường rất quan tâm hỗ trợ, tạo môi trường và điều kiện học tập, sinh hoạt thuận lợi cho người học. Thông qua nhiều hình thức khác nhau, Nhà trường đã hướng dẫn cho SV hiểu rõ về chương trình đào tạo, quy định quy chế đào tạo cũng như các quy định, chính sách chế độ của SV. Nhà trường đảm bảo thực hiện tốt các chế độ chính sách, học bổng, hỗ trợ SV nghèo vay vốn, thực hiện khám sức khỏe cho SV hằng năm. CSVC của Trường đáp ứng yêu cầu phục vụ cho người học tổ chức các hoạt động TDTT, văn hóa, văn nghệ. Người học được đảm bảo an toàn, an ninh trong khuôn viên của Trường. Các tổ chức Đảng, Đoàn thể làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nhờ đó hầu hết SV của Nhà trường có ý thức chấp hành tốt pháp luật, chính sách của Nhà nước, các nội quy, quy định của Nhà trường. Trường có mối quan hệ hợp tác tốt với các cơ Sở Y tế,

các nhà tuyển dụng, đào tạo theo địa chỉ sử dụng nhằm hỗ trợ cho SV tìm được việc làm phù hợp sau tốt nghiệp. Nhờ đó, tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ cao (71 – 100%).

7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về quản lý hoạt động KHCN, xây dựng kế hoạch KHCN hằng năm và triển khai cụ thể đến các đơn vị trong Trường. Các đề tài NCKH của Nhà trường được tuyển chọn, phê duyệt và ký hợp đồng đúng quy định; phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường ĐH. Nhà trường đã tích cực hợp tác với các trường đại học trong và ngoài nước triển khai thực hiện các hoạt động KHCN. Trong giai đoạn 2012 -2017, Nhà trường có 02 đề tài Nafosted, 12 đề tài cấp Tỉnh, 198 đề tài cấp Trường. Kết quả NCKH của CB, GV Nhà trường đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ của Nhà trường. Trong giai đoạn 2012 - 2017, Nhà trường đã có 1231 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, trong đó có 76 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế. Số lượng bài báo của CB, GV Nhà trường đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI, SCI trong giai đoạn 2012-2017 là 22 bài. Nhà trường đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ và phổ biến, hướng dẫn giảng viên về quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KHCN, về quyền sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu.

8. Hoạt động hợp tác quốc tế

Nhà trường tuân thủ các quy định của Nhà nước và pháp luật, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng liên quan về HTQT. Hoạt động HTQT đã hỗ trợ hiệu quả cho công tác đào tạo và NCKH, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, người học. Tiến độ các chương trình HTQT được đảm bảo. Nhà trường tổ chức thành công nhiều hội nghị, hội thảo khoa học và các hoạt động trao đổi giảng dạy với các đối tác quốc tế.

9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Nhà trường có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị được phê duyệt; có đủ diện tích cho học tập, làm việc; có sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, TDTT. Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm với diện tích đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 3981-85; các phòng học được trang bị đầy đủ máy chiếu, màn chiếu, thiết bị âm thanh và máy tính để phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có hệ

thông máy tính có kết nối mạng và hệ thống wifi phủ sóng trong khuôn viên Trường để cung cấp kết nối internet cho CB, GV và người học; cán bộ và người học của Nhà trường được khai thác các nguồn cơ sở dữ liệu của thư viện tương đối đầy đủ. Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu đa dạng, được cập nhật định kỳ, có hệ thống máy tính được kết nối mạng internet đảm bảo cho sinh viên tra cứu tài liệu và học tập. Nhà trường có các kế hoạch xây dựng tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng và các kế hoạch đầu tư, mua sắm trang thiết bị thích hợp hằng năm nhằm trang bị hiện đại hóa các điều kiện học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên.

10. Tài chính và quản lý tài chính

Trường đã sớm xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn thu, thể hiện trong Đề án quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2016-2020, trong đó Nhà trường đã đề ra các giải pháp về mặt tài chính nhằm tăng nguồn thu. Nhà trường cũng ban hành Kế hoạch chiến lược tài chính giai đoạn 2016 - 2020 (năm 2015), đề ra các giải pháp tăng cường các nguồn thu và biện pháp tiết kiệm. Các giải pháp tăng cường nguồn thu: Đa dạng hóa và chuẩn hóa các CTĐT theo nhu cầu xã hội; đào tạo theo địa chỉ ứng dụng; Tăng cường CTĐT liên tục, đào tạo ngắn hạn; Thu hút các nguồn tài trợ từ các dự án; tiết kiệm và nâng cao hiệu quả quản lý. Nguồn tài chính hợp pháp của Nhà trường đa dạng, bao gồm kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp theo quyết định giao dự toán của Bộ Y tế, nguồn thu học phí, kinh phí đào tạo từ người học căn cứ trên thông báo chỉ tiêu tuyển sinh, các hợp đồng đào tạo; nguồn thu hoạt động dịch vụ và 30% chênh lệch hoạt động khám chữa bệnh, nguồn thu nghiên cứu khoa học; nguồn nhận tài trợ nước ngoài; nguồn vốn vay ODA thông qua các dự án của Bộ Y tế. Nguồn thu tăng dần theo các năm: Năm 2012: 142.9 tỷ, năm 2013: 189.2 tỷ, năm 2014: 239.1 tỷ, năm 2015: 252.2 tỷ, năm 2016: 265.5 tỷ, trong đó nguồn thu lớn nhất từ đào tạo. Hàng năm, Nhà trường đều báo cáo tổng kết và đánh giá về tài chính, trong đó có rà soát nguồn thu; đều có xây dựng kế hoạch tài chính cho năm học kế tiếp, dựa trên kế hoạch tài chính từng đơn vị như đào tạo, NCKH... Trong giai đoạn 2007-2016, Nhà trường được Bộ Y tế giao tự chủ về tài chính theo Nghị định 43/CP của Chính phủ. Năm 2017, Trường được giao tự chủ về tài chính trong chi đầu tư và chi thường xuyên... Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ từ năm 2008, trong đó xác định đầy đủ các định mức thu chi, quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung và điều chỉnh thường xuyên, kịp thời để phù hợp với các hoạt động của Trường theo từng giai đoạn. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính

được chuẩn hoá căn cứ trên các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định về tài chính. Kế hoạch tài chính hàng năm được trình bày trước Đảng Ủy, Ban Giám hiệu, Công đoàn, ĐTN và các đơn vị có liên quan. Bảng kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm của Trường được trình Bộ Y tế phê duyệt và thực hiện trong toàn đơn vị. Hàng năm việc lập dự toán thu-chi đều được dựa trên căn cứ là các đề xuất của các đơn vị như phòng Đào tạo, phòng NKCH-HTQT và các đơn vị khác trong Trường. Kế hoạch tài chính hàng năm đều được thông qua tại các cuộc họp giữa lãnh đạo Trường và các đơn vị. Nguồn tài chính của Nhà trường được quản lý tập trung, mọi khoản thu, chi đều được phản ánh trong bảng cân đối tài khoản của Trường. Nhà trường đã tin học hoá, sử dụng phần mềm kế toán, MISA MIMOSA sử dụng thống nhất trong công tác quản lý tài chính. Để thực hiện quản lý tài chính, Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý tài chính. Quy trình lập kế hoạch tài chính được chuẩn hóa. Việc công khai, minh bạch các nguồn tài chính của Trường được tiến hành hằng năm, thông qua báo cáo tài chính tại Hội nghị CBVC. Các nguồn lực tài chính của Nhà trường được phân bổ, sử dụng tương đối hợp lý, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ cho các bộ phận, mục tiêu phát triển của Nhà trường. Ý kiến phản hồi từ lãnh đạo các đơn vị cho thấy việc phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, hiệu quả. Báo cáo hoạt động Ban Thanh tra Nhân dân nhiệm kỳ 2015 - 2017 (năm 2015, 2016, 2017) cho thấy trong nhiệm kỳ không thấy có đơn thư khiếu nại, tố cáo nào về các hoạt động trong Nhà trường, kể cả các hoạt động tài chính. Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến CBVC (11/2016) về công tác tài chính và khả năng đáp ứng về tài chính cho các hoạt động ĐT và NCKH của Nhà trường dưới hình thức phiếu khảo sát. 100% ý kiến thống nhất cho rằng việc sử dụng tài chính tại đơn vị là có hiệu quả, đúng mục đích, việc phân bổ tài chính cũng như thực tế chi trả đáp ứng được nhu cầu của công việc, đáp ứng được các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như mua sắm tài sản cố định. Theo các kết luận của Kiểm toán Nhà nước, Báo cáo Kiểm tra của Cục thuế,... Nhà trường về cơ bản nộp thuế đầy đủ, không có các vi phạm về công tác quản lý tài chính về nguồn thu, không có các vi phạm lớn liên quan đến việc chi tài chính và công tác quản lý tài chính.

PHỤ LỤC 3

CÁC KHUYẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐHN)

1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Nhà trường cần có kế hoạch định kỳ rà soát, điều chỉnh sứ mạng, mục tiêu kết hợp với việc tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan trong và ngoài đơn vị đóng góp cho nội dung của sứ mạng, mục tiêu của Trường. Các hoạt động rà soát, điều chỉnh cần được tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm. Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược phát triển, Nhà trường cần xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn với các giải pháp cụ thể gắn với các chỉ tiêu, chỉ số, chỉ báo nhằm thực hiện có hiệu quả sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn. Nhà trường cần có kế hoạch triển khai các nội dung đã được Chính phủ phê duyệt trong Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐHYD Cần Thơ (QĐ 455/QĐ-TTg ngày 14/4/2017), trong đó tập trung ưu tiên cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng với mục tiêu xây dựng Trường thành Đại học Sức khỏe theo định hướng ứng dụng. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu cũng như các giải pháp và các chỉ số, chỉ tiêu của Kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường trong những năm sắp đến.

2. Tổ chức và quản lý

Nhà trường cần kịp thời triển khai rà soát, điều chỉnh hệ thống văn bản (Đề án vị trí việc làm, Quy định về chế độ làm việc của giảng viên, Quy chế về công tác văn thư, lưu trữ,...) và kế hoạch chiến lược của Trường cho phù hợp với điều kiện thực tiễn sau khi Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ cho phép thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Định kỳ rà soát, điều chỉnh kế hoạch chiến lược và áp dụng các biện pháp phù hợp, khả thi để đạt được các mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Nhà trường cần thành lập Hội đồng ĐBCL cấp Trường và Hội đồng ĐBCL cấp Khoa nhằm phát triển hệ thống ĐBCL bên trong của Trường. Nhà trường cần rà soát, điều chỉnh, ban hành quy định và tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá của người học đối với hoạt động giảng dạy với biểu mẫu thống nhất và triển khai có hệ thống nhằm đảm bảo tính khách quan, độ tin cậy của kết quả đánh giá cũng như giảm áp lực cho người học khi phải đánh giá 2 lần (cấp Khoa và cấp Trường) đối với giảng viên giảng dạy học phần. Tăng cường cử cán bộ, chuyên viên làm công tác ĐBCL, văn thư, lưu trữ tham gia các

khóa đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao khả năng tác nghiệp.

3. Chương trình đào tạo

Nhà trường cần tăng cường sự thu nhận ý kiến đóng góp của người sử dụng lao động đối với các CTĐT sau đại học và chuyên khoa. Nhà trường cần rà soát và chuẩn hóa hơn nữa CTĐT và CĐR nhằm bảo đảm tính khả thi và định lượng được của CĐR, cần xây dựng ma trận CĐR thể hiện sự đáp ứng mạnh/yếu của từng học phần đến CĐR của CTĐT. Nhà trường cần tăng cường quản lý chất lượng đào tạo đối với hệ bồi dưỡng ngắn hạn, cần khảo sát phản hồi của người học về chất lượng và hoạt động đào tạo đối với các hệ đào tạo này, nhằm luôn đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hệ đào tạo. Khi xây dựng/rà soát/hiệu chỉnh CTĐT, Nhà trường cần tham khảo kỹ lưỡng với đầy đủ bản đối sánh chi tiết với các CTĐT khu vực và thế giới, phân tích sự tương thích với các CTĐT, nhằm nâng cao khả năng hội nhập khu vực của người học. Nhà trường cần rà soát/hiệu chỉnh phiếu khảo sát người học đã tốt nghiệp, nhằm khảo sát về khả năng đáp ứng đối với từng CĐR của CTĐT và quá trình đào tạo. Nhà trường nên ký kết hợp tác đào tạo với các cơ sở đào tạo có uy tín nước ngoài có cùng ngành đào tạo, tạo điều kiện cho sinh viên có thể liên thông quốc tế; nên hợp tác công nhận tín chỉ với các cơ sở giáo dục có chuyên ngành đào tạo tương ứng ở trong và ngoài nước, tạo thuận lợi cho người học tiếp cận việc liên thông ngay trong quá trình học. Nhà trường cần triển khai tự đánh giá tất cả các CTĐT sử dụng các tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá CTĐT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016.

4. Hoạt động đào tạo

Nhà trường cần có kế hoạch bổ sung thêm các hình thức đào tạo phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu xã hội. Cần quan tâm hơn trong việc quản lý đào tạo sau đại học, đào tạo liên tục. Công tác khảo thí cần được đẩy mạnh, bài bản hơn bằng việc triển khai các giải pháp đồng bộ đến các bộ phận liên quan. Việc khảo sát ý kiến từ các đối tượng học viên, nhà tuyển dụng cần được thực hiện định kỳ, chất lượng và hiệu quả hơn.

5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Nhà trường cần có kế hoạch và đẩy mạnh việc cử CB đi học SĐH tại nước ngoài bằng các hình thức khác nhau, yêu cầu các CB đăng ký kế hoạch đi học ở nước ngoài hàng năm bằng các nguồn học bổng của các đề án, diện hiệp định, diện học bổng của các chính phủ, của các giáo sư, tự túc... Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cử đi CBQL và cán bộ trong diện quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý đi học lớp Cao cấp hoặc Trung cấp LLCT nhằm đáp ứng đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm vào các

chức danh theo quy định. Công tác tiếp CBVC và SV cần được đăng ký trên lịch công tác tuần. Nhà trường cần có kế hoạch tuyển sinh và kế hoạch tuyển dụng GV để đảm bảo tỷ lệ SV/GV quy đổi đáp ứng quy định về điều kiện ĐBCL và giảm dần theo từng năm. Nhà trường cần có biện pháp và kế hoạch tạo điều kiện cho 140 CB đi học SDH để đáp ứng tiêu chuẩn của GV trong trường đại học (theo quy định 100% đội ngũ GV đạt trình độ thạc sĩ trở lên), bên cạnh thực hiện chính sách thu hút những GV có chức danh, học vị cao về công tác tại Trường để từng bước nâng cao tỷ lệ GV có trình độ sau đại học và giảm số lượng GV có trình độ không đạt chuẩn theo quy định. Nhà trường cần tạo thêm điều kiện để các GV trẻ được đi đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ; Hằng năm, các khoa, bộ môn cần chủ động đưa vào kế hoạch bố trí GV trẻ tham gia dự giờ của các GS, PGS, GVC nhằm học hỏi thêm kinh nghiệm. Nhà trường cần xây dựng kế hoạch và đảm bảo kinh phí để tổ chức tại Trường hoặc cử các KTV, NV tham gia các khóa/lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ để từng bước nâng cao trình độ của lực lượng này nhằm đáp ứng với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường trong giai đoạn phát triển mới. Thường xuyên/định kỳ, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến từ người học và GV về sự hài lòng đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ KTV, NV.

6. Người học

Trường cần sớm xây dựng Ký túc xá, Nhà thi đấu đa năng nhằm đảm bảo tốt hơn nhu cầu học tập, sinh hoạt và rèn luyện thể chất của SV; chú trọng việc tổ chức định kỳ các buổi nói chuyện chuyên đề, tư vấn về tâm lý, định hướng nghề nghiệp, phát triển và hội nhập cho SV; định kỳ tổ chức đánh giá hiệu quả công tác CVHT nhằm có sự hỗ trợ kịp thời và sâu sát hơn việc học tập và sinh hoạt của sinh viên. Bên cạnh đó, Trường cũng cần phối hợp chặt chẽ hơn với các cơ quan công an, chủ nhà trọ ở địa phương trong việc quản lý SV ngoại trú; có các biện pháp quan tâm nhiều hơn đến đời sống của các SV là con em của người dân tộc thiểu số, SV có hoàn cảnh khó khăn; phát triển thêm các CLB học thuật, tiếng Anh chuyên ngành, rèn luyện kỹ năng mềm đặc biệt là các kỹ năng đối phó, xử lý các tình huống khẩn cấp; quản lý bệnh viện; thuyết trình; lập kế hoạch để đạt mục tiêu đề ra,... Đồng thời, có các biện pháp thu hút, khuyến khích đông đảo người học tham gia. Trường cũng cần xây dựng quy định và thực hiện việc lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về chất lượng đào tạo đảm bảo tính hệ thống, khách quan và đồng bộ giữa các đơn vị. Kết quả phản hồi về chất lượng đào tạo của các chuyên ngành cần được Nhà trường gửi về cho các khoa để có sự tham khảo và cải tiến chất lượng đào tạo một cách cụ thể hơn.

7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Nhà trường cần định kỳ tiến hành đánh giá, tổng kết Chiến lược phát triển KHCN trong từng giai đoạn. Tăng cường phổ biến Quy định quản lý đề tài NCKH các cấp của Trường đến đội ngũ CB, GV, SV và kiểm tra tiến độ nhằm đảm bảo đúng tiến độ được phê duyệt. Nhà trường cần đảm bảo kinh phí chi cho hoạt động khoa học công nghệ theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ. Nhà trường cần ban hành Quy định về hoạt động các nhóm nghiên cứu - giảng dạy và thành lập các nhóm nghiên cứu - giảng dạy; đồng thời ban hành và áp dụng các chế độ khen thưởng đối với GV đăng bài trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI, SCI và chế độ hỗ trợ kinh phí cho SV tham gia NCKH. Nhà trường cần áp dụng các chính sách, biện pháp nhằm phát huy tính tích cực của đội ngũ CB, GV trong việc tìm kiếm, tham gia đề tài NCKH với các đối tác bên ngoài và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y tế. Nhà trường cần thành lập bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ và tích cực hướng dẫn, hỗ trợ CB, GV thực hiện hồ sơ, thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

8. Hoạt động hợp tác quốc tế

Nhà trường cần có kế hoạch khai thác triệt để và hiệu quả từ các đối tác hợp tác quốc tế cho hoạt động đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ. Cần phải đẩy mạnh hơn nữa và lồng ghép công tác HTQT trong các quy định về thi đua khen thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ để khuyến khích tập thể và cá nhân tích cực tham gia các hoạt động HTQT.

9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Nhà trường cần khẩn trương thực hiện kế hoạch triển khai xây dựng Nhà Hiệu bộ và Hội trường, nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của Ban Giám hiệu, các phòng/ban chức năng của Trường, đáp ứng quy mô và nhu cầu của sinh viên, học viên. Nhà trường cần xây dựng kế hoạch tài chính khả thi theo lộ trình để sớm triển khai xây dựng Nhà thi đấu đa năng và xây dựng KTX của Trường theo bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng 1/500 đã được UBND Thành phố Cần Thơ phê duyệt năm 2010, nhằm đáp ứng nhu cầu về sân bãi giảng dạy giáo dục thể chất, luyện tập thể dục, thể thao của CBVC và sinh viên, đáp ứng nhu cầu ở nội trú của sinh viên. Nhà trường cần xây dựng quy định và có cơ chế khuyến khích, đẩy mạnh việc cán bộ, giảng viên xuất bản giáo trình (có quyết định xuất bản, có chỉ số ISBN) nhằm đảm bảo đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo cho các CTĐT, đáp ứng yêu cầu sử dụng, học tập, tham khảo của giảng viên, sinh viên, học viên sau đại học và nâng cao vị thế của Nhà trường.

10. Tài chính và quản lý tài chính

Nhà trường cần tăng cường hoạt động NCKH và CGCN nhằm tăng tỷ lệ nguồn thu từ các hoạt động này. Cần có chính sách khuyến khích và chế tài phù hợp để đẩy mạnh hoạt động KCHN trong Nhà trường. Nhà trường cần công khai đầy đủ các thông tin về tài chính hàng năm trên trang web của Nhà trường theo tinh thần thông tư số 09/2009/TT-BGD&ĐT. Nhà trường cần xây dựng kế hoạch chi tiết trong việc phân bổ kinh phí từ nguồn thu phí cho giảng viên và người học, đạt được mức quy định theo như quy định của Nghị định NĐ99/2014/NĐ-CP. Nhà trường cần khắc phục những tồn tại do Kiểm toán Nhà nước các năm đã nêu, như việc chi vượt giờ giảng đối với giảng viên...